

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 871 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Pleiku, ngày 28 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai
đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19 về việc thông qua Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 182/TTr-SNN ngày 21/12/2009 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, cụ thể như sau:

1. Quy hoạch phát triển cao su tập trung (đại điền):

Quy hoạch 66.457 ha diện tích tự nhiên từ nguồn đất lâm nghiệp chuyển đổi (thuộc quy hoạch rừng sản xuất), bao gồm: 51.547 ha đất rừng tự nhiên nghèo; 4.991 ha rừng trồng; 9.919 ha đất trồng; trong đó đã giao năm 2008 là

14.905 ha (trong đó: 11.368 ha đất rừng tự nhiên nghèo, 1.432 ha đất rừng trồng; 2.105 ha đất trồng). Cụ thể quy hoạch theo địa bàn huyện, thị xã như sau:

| STT | Huyện, thị xã | Tổng diện tích đất lâm nghiệp (ha) | Trong đó | | |
|--|---------------|------------------------------------|---------------------|--------------|--------------|
| | | | Rừng tự nhiên nghèo | Rừng trồng | Đất trồng |
| TỔNG CỘNG | | 66.457 | 51.547 | 4.991 | 9.919 |
| I. Diện tích chuyển từ năm 2010 | | 51.552 | 40.179 | 3.559 | 7.814 |
| 1 | H. Đức Cơ | 1.911 | 1.706 | | 205 |
| 2 | H. Ia Grai | 1.485 | 726 | | 759 |
| 3 | H. Chư Prông | 24.216 | 22.148 | 98 | 1.970 |
| 4 | H. Chư Sê | 5.395 | 4.217 | | 1.178 |
| 5 | H. Phú Thiện | 1.923 | 1.173 | | 750 |
| 6 | TX. Ayun Pa | 925 | 545 | 41 | 339 |
| 7 | H. Ia Pa | 2.014 | 1.533 | | 481 |
| 8 | H. Krông Pa | 2.981 | 1.592 | | 1.389 |
| 9 | H. Đăk Đoa | 1.653 | 1.039 | 614 | |
| 10 | H. Măng Yang | 4.000 | 1.250 | 2.394 | 356 |
| 11 | H. Kbang | 5.049 | 4.250 | 412 | 387 |
| II. Diện tích đã chuyển từ năm 2008 | | 14.905 | 11.368 | 1.432 | 2.105 |

(Chi tiết theo huyện, xã, tiểu khu có phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo)

2. Quy hoạch phát triển cao su tiêu điện:

Quy hoạch 25.210 ha diện tích tự nhiên để phát triển cao su tiêu điện từ nguồn chuyển đổi các cây trồng nông nghiệp khác kém hiệu quả hơn. Cụ thể quy hoạch theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố như sau:

| Huyện, thị xã, TP | Diện tích (ha) | Trong đó | |
|---------------------|----------------|--------------|---|
| | | Đất trồng | Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày, nương rẫy |
| TOÀN TỈNH | 25.210 | 3.737 | 21.473 |
| 1. Thành phố PleiKu | 321 | | 321 |
| 2. Huyện Mang Yang | 2.033 | 465 | 1.568 |
| 3. Huyện Đăk Đoa | 3.235 | | 3.235 |
| 4. Huyện Ia Grai | 3.750 | 1.341 | 2.409 |
| 5. Huyện Chư Păh | 2.091 | | 2.091 |
| 6. Huyện Đức Cơ | 1.651 | 696 | 955 |
| 7. Huyện Chư Prông | 3.708 | 845 | 2.863 |
| 8. Huyện Chư Sê | 2.718 | | 2.718 |
| 9. Huyện Phú Thiện | 1.300 | | 1.300 |
| 10. Thị xã AYun Pa | 1.202 | | 1.202 |
| 11. Huyện Krông Pa | 390 | 390 | |
| 12. Huyện Ia Pa | 1.311 | | 1.311 |
| 13. Huyện Kbang | 1.500 | | 1.500 |

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm:

1. Tiếp nhận thành quả Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh từ Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp miền Trung theo đúng Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 về việc phê duyệt nhiệm vụ bổ sung lập Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai;

2. Trên cơ sở công bố Quy hoạch phát triển cao su trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức giao kết quả đến UBND các huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở triển

